

Số/No. : 08/QĐ-BM/HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2018  
Hochiminh City, 08 Aug., 2018

**QUYẾT ĐỊNH / DECISION**

Về việc ban hành Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh  
For issuing the amended Charter of Binh Minh Plastics Join-Stock Company

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH  
BOARD OF DIRECTORS (BOD)  
OF BINH MINH PLASTICS JOIN-STOCK COMPANY**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua 26/11/2014 / Basing on The Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 adopted by the National Assembly on November 26<sup>th</sup>, 2014;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ngày 20/04/2018 / Basing on the Resolution of the General Meeting of Shareholders on April 20<sup>th</sup>, 2018;
- Căn cứ trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị Công ty / Basing on the responsibility and authority of the BOD,

**QUYẾT ĐỊNH / DECIDE**

1. Ban hành Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 20/04/2018 / Isuse the amended Charter of Binh Minh Plastics Joint-Stock Company, that was adopted by the General Meeting of Shareholders on April 20<sup>th</sup>, 2018.
2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. /This Decision become effective from the signed date.
3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh có trách nhiệm thi hành Quyết định này / The Members of the BOD, the members of Control board, the Person in charge of corporate governance, the General Director of Binh Minh Plastics Joint-Stock Company are responsible to execute this decision.

**Nơi nhận / Receiver:**

- Như điều 3  
as Item 3
- Thư ký HĐQT  
BOD secretary

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / ON BEHALF OF THE BOD  
CHỦ TỊCH / THE CHAIRMAN



Ông/Mr. Sakchai Patiparnpreechavud

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

-----00-----

# **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

**NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

-----00-----

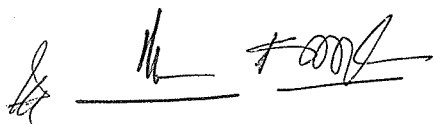
## **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

**NĂM 2018**

## MỤC LỤC

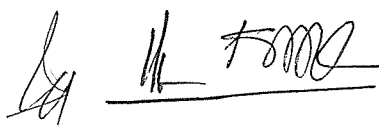
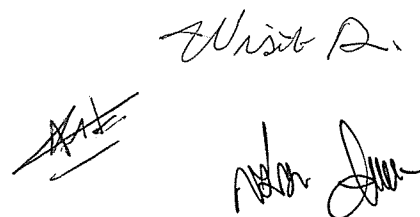
PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	1
Điều 1.    Giải thích thuật ngữ.....	1
II.    TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2.    Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .	2
Điều 3.    Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III.    MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 4.    Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5.    Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	3
IV.    VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	3
Điều 6.    Vốn điều lệ, cổ phần.....	3
Điều 7.    Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 8.    Chứng chỉ chứng khoán khác.....	4
Điều 9.    Chuyển nhượng cổ phần.....	4
Điều 10.   Thu hồi cổ phần .....	5
V.    CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	6
Điều 11.   Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	6
VI.    CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	6
Điều 12.   Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13.   Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14.   Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15.   Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 16.   Đại diện theo ủy quyền .....	10
Điều 17.   Thay đổi các quyền .....	11
Điều 18.   Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 19.   Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20.   Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông .....	13
Điều 21.   Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 22.   Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 23.   Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 24.   Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	18




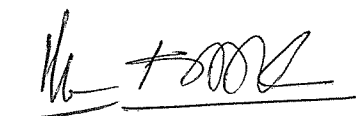
Wist R

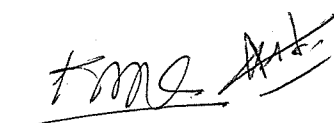


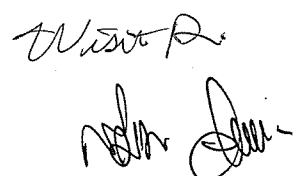
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	19
Điều 25.    Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 26.    Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 27.    Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 28.    Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 29.    Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 30.    Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 31.    Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 32.    Người phụ trách quản trị Công ty.....	27
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	28
Điều 33.    Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 34.    Người Điều hành Công ty.....	28
Điều 35.    Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	28
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b> .....	30
Điều 36.    Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	30
Điều 37.    Kiểm soát viên.....	30
Điều 38.    Ban Kiểm soát.....	31
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	32
Điều 39.    Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 40.    Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 41.    Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:</b> .....	34
Điều 42.    Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	34
<b>XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	34
Điều 43.    Người lao động và Công đoàn.....	34
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	35
Điều 44.    Phân phối lợi nhuận.....	35
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> ....	35
Điều 45.    Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 46.    Năm tài chính.....	35
Điều 47.    Chế độ kế toán.....	36
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	36

Điều 48.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	36
Điều 49.	Báo cáo thường niên .....	37
<b>XVI.</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>37</b>
Điều 50.	Kiểm toán .....	37
<b>XVII.</b>	<b>CON DẤU .....</b>	<b>37</b>
Điều 51.	Con dấu .....	37
<b>XVIII.</b>	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>37</b>
Điều 52.	Chấm dứt hoạt động .....	37
Điều 53.	Gia hạn hoạt động .....	38
Điều 54.	Thanh lý .....	38
<b>XIX.</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>38</b>
Điều 55.	Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	38
<b>XX.</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>39</b>
Điều 56.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	39
<b>XXI.</b>	<b>NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>39</b>
Điều 57.	Ngày hiệu lực .....	39
Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty: .....		39





## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày 20 tháng 04 năm 2018.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp": Là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Giấy chứng nhận nhân thân": Là Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
  - e. "Người Quản lý Công ty": Là các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
  - f. "Người điều hành cấp cao" là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
  - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - h. "Đại hội cổ đông": Là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
2. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
  - a. Công ty mẹ, người điều hành Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành đối với các công ty con trong nhóm Công ty;
  - b. Công ty con đối với Công ty mẹ trong nhóm Công ty;
  - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty;
  - d. Người quản lý Công ty, người điều hành Công ty;
  - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty và người điều hành Công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối của Công ty;
  - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, những công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
  - g. Doanh nghiệp mà trong đó có những người, những công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;



- h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
- Trong Điều lệ này, khi tham chiếu tới bất kỳ một điều khoản hoặc một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
  - Các tiêu đề được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung mà không làm ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
  - Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

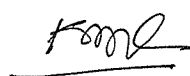

### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

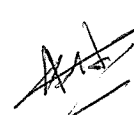
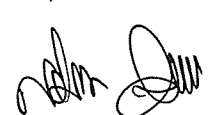
- Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**  
Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:  
**BINH MINH PLASTICS JOINT - STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt của Công ty: **BM PLASCO**
- Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty:
  - Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại : 84.28. 3969 0973.
  - Fax : 84.28. 3960 6814.
  - E-mail : binhminhplas@hcm.fpt.vn
  - Website : www.binhminhplastic.com.vn
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu từ ngày thành lập.

### Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo quy định của pháp luật.



Wisit Du  
 



### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất;
- Tư vấn và thi công các công trình xây dựng ngành cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng;
- Dịch vụ giám định, phân tích kiểm nghiệm ngành hóa chất;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đáp ứng được các yêu cầu bền vững về mặt sinh thái và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

#### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 818.609.380.000 đồng (Tám trăm mười tám tỷ sáu trăm lẻ chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 81.860.938 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn điều lệ mới sẽ được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thay đổi gần nhất của Công ty.



4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần đó được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

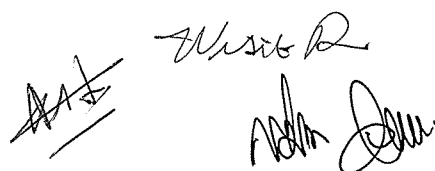
1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông có thể chuyển quyền sở hữu cổ phần của mình theo quy định của Công ty.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Công ty có thể phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trên đó có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

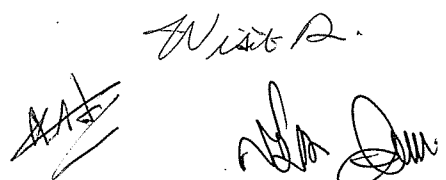
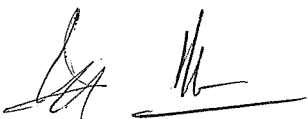
1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán có quy định rõ về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần và số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng tương ứng.



- Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Cổ đông có quyền định đoạt một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình (cho tặng, để lại thừa kế...) theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong chứng nhận cổ phiếu, thì chứng nhận cũ sẽ được hủy bỏ và cổ đông sẽ được cấp miễn phí chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

- Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
- Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo quy định hiện hành kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.



## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

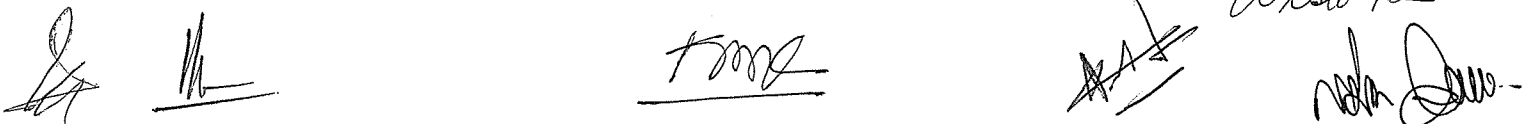
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình đang sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp được quy định trong Luật Doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có thêm các quyền sau:


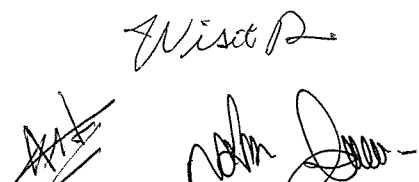


- a. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người điều hành hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
  - Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng nhận nhân thân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Tham dự Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến Đại hội thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;







- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn không quá bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp tổ chức đồng thời tại nhiều điểm khác nhau, thì địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự Đại hội cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Khi vốn chủ sở hữu đã bị mất đi một nửa (1/2) so với số đầu kỳ trong các báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Khi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan;
  - e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập Đại hội cổ đông bất thường:
  - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 3 Điều này;
  - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



Wielb2  
 

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên và bất thường thông qua quyết định những vấn đề sau:
  - a. Thông qua Báo cáo tài chính năm và Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
  - d. Lựa chọn danh sách công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao, tiền thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - g. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - h. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;



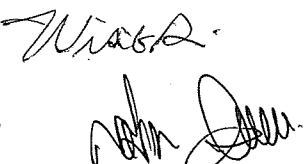
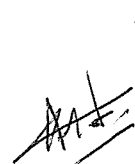
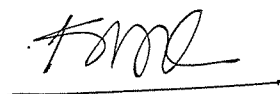
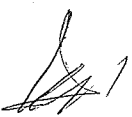
- l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
  - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
  - n. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với những đối tượng theo Luật Doanh nghiệp quy định;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 của Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình





cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
  - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

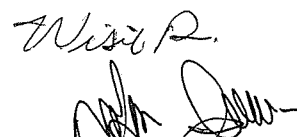
Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc Đại hội cổ đông hoặc trước khi Đại hội được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

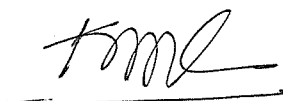
1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông hoặc Đại hội cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:



- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
  - d. Dự thảo Tờ trình các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo Đại hội cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo Đại hội cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình Đại hội cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo Đại hội cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình Đại hội, các tài liệu sử dụng trong Đại hội;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
  - c. Giấy xác nhận/ủy quyền tham dự Đại hội;
  - d. Tờ trình các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến cấp triệu tập ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng nhận nhân thân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào Chương trình Đại hội.
5. Người triệu tập Đại hội cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Đại hội cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 51%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội cổ đông lần thứ hai. Đại hội này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được ủy quyền tham dự, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

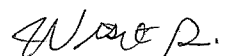

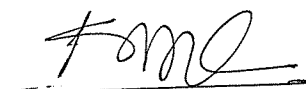

**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông**

1. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi thông tin của cổ đông và tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội sẽ đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các Đại hội cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị được các thành viên khác bầu ra làm chủ tọa. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát phải điều khiển để Đại hội bầu ra chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa của Đại hội

The bottom of the page features several handwritten signatures and marks. On the left, there are two distinct signatures. In the center, there is a large, stylized signature that appears to be 'T.M.C.'. To the right of this, there is a signature that looks like 'A.H.'. On the far right, there are two more signatures, one of which is quite large and appears to be 'Minh D.'.

cổ đông. Trong các trường hợp khác, người đứng tên triệu tập Đại hội cổ đông điều khiển Đại hội bầu chủ tọa và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa Đại hội.

5. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
7. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn Đại hội cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập Đại hội có quyền yêu cầu tất cả người tham dự chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội cổ đông.
9. Người triệu tập Đại hội sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập Đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập Đại hội khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
  - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.



12. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

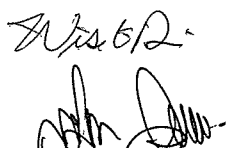
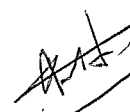
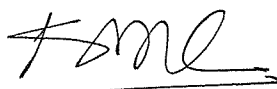
**Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội cổ đông:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
  - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Quy chế bầu cử của Công ty.
3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự tán thành:
  - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
  - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
  - c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
  - e. Hủy bỏ niêm yết chứng khoán;
  - f. Đổi tên doanh nghiệp;
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

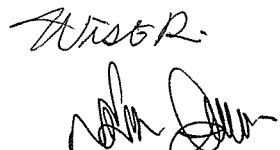
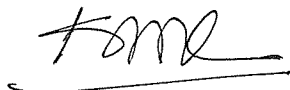
**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.



2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết theo địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng thực nhân thân của cổ đông là cá nhân tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng thực nhân thân của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:



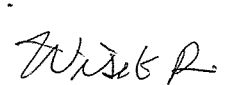

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung Đại hội;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến Đại hội cổ đông và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông tham dự với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

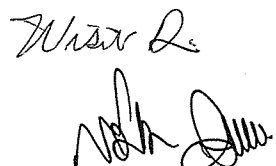
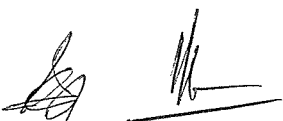
- 2. Biên bản Đại hội cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản Đại hội cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội.
- 4. Biên bản Đại hội cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 5. Biên bản Đại hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký tham dự kèm chữ ký của cổ đông, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày biên bản Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập Đại hội cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

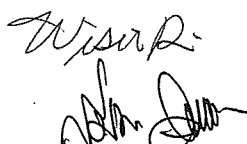
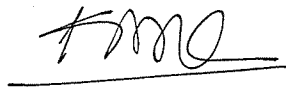




## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
  - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
  - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:
  - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
  - c. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của các công ty khác.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05)

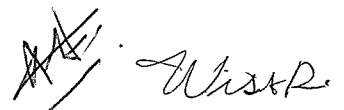
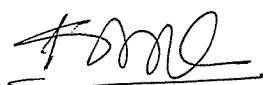


ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.






#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị ít nhất là 5 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị, theo nguyên tắc làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
  - b. Có đơn từ chức;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.


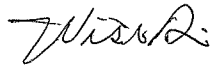
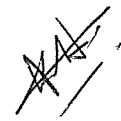


**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể như sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - h. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
  - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông, triệu tập Đại hội cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - p. Quyết định tổng quỹ lương hàng năm của Công ty;



- q. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của họ.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Quyết định đầu tư giá trị từ hai mươi (20) tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch đầu tư hàng năm hoặc bán số tài sản có nguyên giá từ mười (10) tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng Quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
5. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện và hành động thay mặt cho Công ty.



**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận khoản thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho mỗi thành viên sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Các khoản trong tổng số tiền trả nêu trên có thể được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Ngoài thù lao dành cho vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Các thành viên của Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, kể cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

**Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

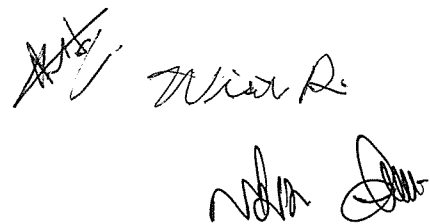
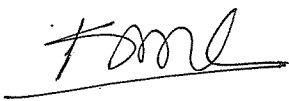
1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; chủ tọa Đại hội cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ vì một lý do nào đó thì các thành viên còn lại phải chọn một người trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội cổ đông.



4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hay bị bãi miễn thì trong vòng mười (10) ngày Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế.

### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị phải tiến hành cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, chuẩn bị chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm và hình thức họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một (01) lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị họp bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Ban Kiểm soát;
  - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành cấp cao;
  - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
  - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; đồng thời những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở một địa điểm theo quyết định của Chủ tịch và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng



Quản trị đó. Thông báo họp được viết bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

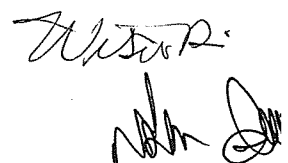
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký xác nhận.
15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi gửi





đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chiến lược phát triển, chính sách nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quan hệ cổ đông. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định, ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và các thành viên bên ngoài. Ưu tiên các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động hiện hành. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;



- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

#### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

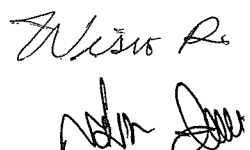
Hệ thống quản lý của Công ty đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh này phải thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

#### Điều 34. Người Điều hành Công ty



1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cấp cao với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng lao động của những người điều hành cấp cao sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

#### Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc


1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:



- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng và cơ cấu những người điều hành cấp cao mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với người điều hành cấp cao;
  - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với ngân sách và kế hoạch tài chính năm (05) năm của Công ty;
  - h. Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và các báo cáo hàng tháng, quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán, báo cáo hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình cho Hội đồng Quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các cấp này khi được yêu cầu.
  5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế với đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành.



Wissu R.



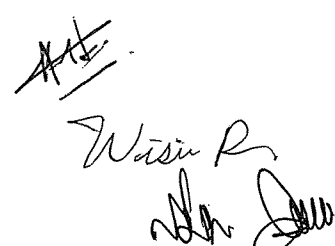
## IX. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### Điều 37. Kiểm soát viên

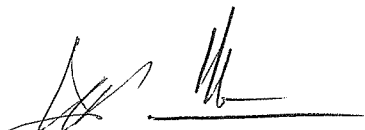
1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có những trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu như sau:
  - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành cấp cao phải cung đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Kiểm soát.



4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Mức thù lao này được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

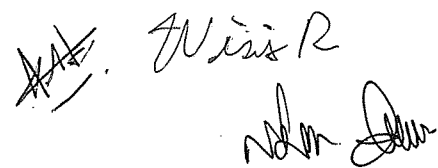
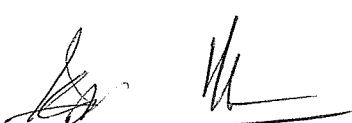
**X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

**Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc trường hợp đây là Công ty con của Công ty.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà những đối tượng trên hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với những hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 20% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên,




Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;



- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:**

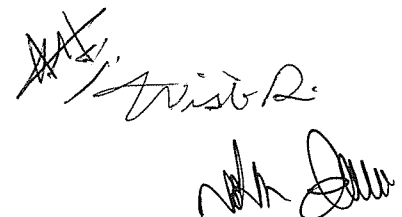
### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tục trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua đại diện được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các cổ đông, các biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Người lao động và Công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải thông qua Hội đồng Quản trị các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành cấp cao.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.





### XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

#### Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

### XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật với sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.


#### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Công ty sử dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; Báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.


#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

##### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với bản báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự Đại hội cổ đông, được nhận các thông báo, tài liệu liên quan đến Đại hội nếu có yêu cầu và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

#### **XVII. CON DẤU**

##### **Điều 51. Con dấu**

1. Công ty có con dấu chính thức, được đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

##### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.



Wish D.  
John D.

**Điều 53. Gia hạn hoạt động**

Không áp dụng.

**Điều 54. Thanh lý**

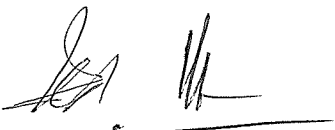
1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên trong đó có hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Ban Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và bắt đầu hoạt động của Ban. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến mục (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành cấp cao.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.



Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một bên thứ ba làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

## XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 Chương và 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh nhất trí thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau, trong đó:
  - Một (01) bản nộp cho Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Năm (05) bản nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Bốn (04) bản còn lại lưu tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Hoàng Ngân*

*Handwritten signature*  
*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*